

Bản án số: 21/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 18/6/2024

V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA – TP HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thanh Minh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Hạ Tuấn** và ông **Đặng Việt Côi**

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 06 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2024/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2024 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2024/QĐST – HNGĐ ngày 28/5/2024 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: chị **Nguyễn Thị B** – sinh năm: 1984 (Có đơn xin xét xử vắng mặt.)

+ Bị đơn: anh **Trịnh Xuân T** – sinh năm: 1978 (Vắng mặt)

Đều HKTT: Thôn D, xã H, huyện Ứ, TP .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn ly hôn, biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Thị B là nguyên đơn trình bày: chị kết hôn với anh Trịnh Xuân T, là người cùng địa phương. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Vài năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là anh T thường xuyên uống rượu, chơi cờ bạc rồi về đánh đập vợ con. Chị và các con đã cố gắng chịu đựng để gia đình được hòa thuận, hạnh phúc nhưng không có kết quả mà anh T còn có những hành vi đánh đập chị thậm tệ hơn. Gia đình hai bên đã khuyên can nhiều nhưng anh vẫn chứng nào tật nấy. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên

cương quyết xin được ly hôn với anh T. Mong Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Trịnh Xuân M, sinh ngày: 01/12/2004 và Trịnh Thị Phương A – sinh ngày: 18/5/2010. Khi ly hôn, do chị không có chỗ ở và công việc ổn định nên chị có nguyện vọng các con ở với anh T. Chị sẽ có trách nhiệm với các con theo khả năng của mình.

Về tài sản, công sức, công nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: chị B đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Trịnh Xuân T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa làm việc. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh. Tuy nhiên, anh T vẫn không đến Tòa án làm việc do đó không có quan điểm trình bày.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xã H xác định: chị B và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, ngày 11/6/2009. Sau khi kết hôn, cuộc sống của anh chị hòa thuận không thấy điều tiếng gì. Theo nắm bắt tại địa phương, vài năm gần đây, anh T và chị B xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên va chạm. Nguyên nhân cụ thể là gì thì địa phương không nắm rõ. Trong thời gian chung sống, anh chị có 02 con chung là cháu Trịnh Xuân M – sinh ngày: 01/12/2004 và cháu Trịnh Thị Phương A – sinh ngày: 18/5/2010. Hiện cháu Xuân M đã trưởng thành, khỏe mạnh; còn cháu Phương A đang ở nhà với anh T. Quan điểm của chính quyền địa phương: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Tại phiên tòa, chị B có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên ý kiến không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác. Anh T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng: Qua việc kiểm sát hồ sơ và tại phiên tòa thấy đều đúng và đầy đủ về quan hệ pháp luật, về thẩm quyền, về người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản, thời hạn chuẩn bị xét xử, đưa vụ án ra xét xử. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B với anh T. Về con chung: cháu Trịnh Xuân M đã trưởng thành, khỏe mạnh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trịnh Thị Phương A. Về tài sản, công sức, công nợ chung: không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị B đã làm đơn ly hôn theo mẫu và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình có bị đơn là anh Trịnh Xuân T cư trú tại thôn D, xã H, huyện Ú, TP . nên Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập anh Trịnh Xuân T đến toà án làm việc theo đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự; quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên toà hôm nay, chị B có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T mặc dù đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa xét xử nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị B và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Tuy nhiên, cuộc sống chung của anh chị không hòa thuận, hạnh phúc. Nguyên nhân theo chị B trình bày là anh T thường xuyên uống rượu chè, cờ bạc rồi về đánh đập vợ con. Chị đã cố gắng rất nhiều nhưng tình trạng này vẫn không thay đổi. Nay chị B nhận thấy không còn tình cảm với anh T nên đã làm đơn xin ly hôn. Qua xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy, anh T chị B mâu thuẫn nhiều năm nay, thường xuyên xảy ra va chạm. Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị B là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: chị B và anh T có 02 con chung là cháu Trịnh Xuân M – sinh ngày: 01/12/2004 và cháu Trịnh Thị Phương A – sinh ngày: 18/5/2010 hiện đang ở với anh T. Chị B có quan điểm để anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung để các con có cuộc sống ổn định và đầy đủ vì chị không có chỗ ở, lại

thường đi làm bốc vác hàng theo chuyến xe nên không thể cho các con có một cuộc sống ổn định và đầy đủ. Quan điểm của cháu Phương A: xin được ở với bố Tảng để có cuộc sống ổn định. Xét nguyện vọng của các đương sự, nguyện vọng của cháu Phương A và tình hình thực tế cuộc sống của con. Hội đồng xét xử nhận thấy, đối với cháu Xuân M hiện đã trưởng thành, khỏe mạnh nên không đặt ra giải quyết. Đối với cháu Phương A thì thấy chị B không có chỗ ở và công việc ổn định. Các con hiện vẫn đang ở với anh T, cháu Phương A có nguyện vọng ở với bố nên cần giữ nguyên việc nuôi con như trước khi ly hôn là anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Phương A. Anh T không có quan điểm yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị B là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản, công sức và công nợ: Chị B trình bày là không có gì, không đề nghị Tòa án giải quyết; anh T không có quan điểm trình bày nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Trường hợp sau này các đương sự có yêu cầu đề nghị thì sẽ giải quyết tại vụ án khác.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị B phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56; 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B:

1. Chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Trịnh Xuân T;
2. Về con chung: Chị B và anh T có 02 con chung là cháu Trịnh Xuân M – sinh ngày: 01/12/2004 và cháu Trịnh Thị Phương A – sinh ngày 18/5/2010. Hiện tại, cháu Xuân M đã trưởng thành, khỏe mạnh nên không đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn, giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phương A cho đến khi con chung trưởng thành, khỏe mạnh hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị B cho đến khi con chung trưởng thành, khoẻ mạnh hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về quyền thăm hỏi con chung: “Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.”

“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.”

3. Về tài sản, công sức, công nợ chung: Chị B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Trường hợp sau này, các đương sự có yêu cầu đề nghị thì sẽ giải quyết tại vụ án khác.

4. Về án phí: Chị B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp tại Biên lai thu số 0011628 ngày 05/3/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thanh Minh